

CÔNG TY TNHH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẸP VỤ 1

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẪN PN 997
9	MƯỚP RẪN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Số giống khảo nghiệm: 11**3. Vụ:** Tháng 02 - 05/2021**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Gia cát, H.Cao lộc, T.Lạng Sơn	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Hợp Hòa, H.Tam Dương, T.Vĩnh Phúc	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Thuận, H. Nghĩa Đàn, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nam Phước, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đất phù sa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hội, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Bình, H. Tân Biên, T.Tây Ninh	Đất xám
7	Đồng bằng sông	Công ty tự khảo	X.Nhị Quý, H.Châu	Đất phù sa

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
	Cửu Long	nghiệm	Thành, T. Tiền Giang	

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m² (10 m x 1,8 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

7. Mật độ, khoảng cách: Trồng hàng đơn, cây cách cây 0,5 - 0,6m, hàng cách hàng 1,8 - 2 m, mật độ trồng khoảng 9.000 - 10.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300 - 500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 250 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	18/02/2021	22/02/2021	04/04/2021
Đồng bằng sông Hồng	25/02/2021	01/03/2021	11/04/2021
Bắc Trung Bộ	08/02/2021	12/02/2021	25/03/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	15/02/2021	19/02/2021	30/03/2021
Tây Nguyên	15/03/2021	19/03/2021	27/04/2021
Đông Nam Bộ	03/03/2021	07/03/2021	12/04/2021
Đồng bằng sông Cửu Long	15/03/2021	19/03/2021	24/04/2021

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ tháng 02 - 05/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm. Tuy có mưa rải rác tại một vài địa phương trong suốt quá trình sinh trưởng của cây nhưng không ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng và hình thái

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1-5)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	30 - 35	3,5 - 4,5	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt sọc mờ	40 - 45	3,5 - 4,5	2
MƯỚP HƯƠNG PN 661	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	2

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1-5)
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	40 - 50	4 - 5	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt, sọc mờ	30 - 35	3,5 - 4,5	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc nổi	26 - 30	4 - 6	1
MƯỚP RẪN PN 997	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	25 - 30	3 - 4	1
MƯỚP RẪN SUPER 999	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	30 - 35	3 - 4	1
KHỔ QU A TÂY PN 067	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	20 - 25	3,5 - 4,5	2
KHỔ QU A TÂY SUPER 777	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	25 - 30	3,5 - 4,5	2

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 3 – Tổng hợp mức độ nhiễm sâu bệnh hại chính

Giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)			Sâu hại (thang điểm 1 - 3)		
	Phấn trắng	Sương mai	Khảm virus	Sâu đục quả	Sâu vẽ bùa	Bọ trĩ
MƯỚP HƯƠNG PN 500	3	1	3	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	3	1	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 661	1	1	3	2	1	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	3	1	1	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	3	3	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	3	1	1	2	1	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	1	3	1	2	1	2
MƯỚP RẪN PN 997	3	1	1	1	2	1
MƯỚP RẪN SUPER 999	1	1	3	1	2	2
KHỔ QU A TÂY PN 067	1	3	3	2	1	1
KHỔ QU A TÂY SUPER 777	3	1	1	2	1	2

Bảng 4 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm)

Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG PN 661	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	1	2	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	2	2	1
MƯỚP RẪN PN 997	2	2	1
MƯỚP RẪN SUPER 999	2	2	1
KHỔ QUA TÂY PN 067	1	1	2
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	1	1	2

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm; 4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 – Năng suất tính theo cá thể (quả), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng quả (điểm)

Giống	Số quả/cây (quả)	Trọng lượng quả (g)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Độ đặc ruột (điểm 1 - 3)	Mùi thơm (điểm 1 - 4)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	18 - 19	200 - 250	28 - 31	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	16 - 17	250 - 300	28 - 31	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 661	21 - 23	180 - 220	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	20 - 21	200 - 220	28 - 31	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	16 - 17	250 - 290	28 - 30	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 900	18 - 20	200 - 240	28 - 31	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP KHÍA SUPER 700	20 - 22	220 - 250	30 - 35	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP RẪN PN 997	27 - 30	140 - 160	25 - 28	Không đặc ruột	Không thơm
MƯỚP RẪN SUPER 999	24 - 26	160 - 180	25 - 28	Không đặc ruột	Không thơm

CÔNG TY TNHH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẸP VỤ 2

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẪN PN 997
9	MƯỚP RẪN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Số giống khảo nghiệm: 11**3. Vụ:** Tháng 08 - 10/2021**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Gia cát, H.Cao lộc, T.Lạng Sơn	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Hợp Hòa, H.Tam Dương, T.Vĩnh Phúc	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Thuận, H. Nghĩa Đàn, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nam Phước, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đất phù sa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hội, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Bình, H. Tân Biên, T.Tây Ninh	Đất xám
7	Đồng bằng sông	Công ty tự khảo	X.Nhị Quý, H.Châu	Đất phù sa

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
	Cửu Long	nghiệm	Thành, T. Tiền Giang	

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m² (10 m x 1,8 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

7. Mật độ, khoảng cách: Trồng hàng đơn, cây cách cây 0,5 - 0,6m, hàng cách hàng 1,8 - 2m, mật độ trồng khoảng 9.000 - 10.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300 - 500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 250 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày Gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	19/08/2021	23/08/2021	03/10/2021
Đồng bằng sông Hồng	20/08/2021	24/08/2021	04/10/2021
Bắc Trung Bộ	15/08/2021	19/08/2021	29/09/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	05/09/2021	09/09/2021	18/10/2021
Tây Nguyên	18/09/2021	22/09/2021	31/10/2021
Đông Nam Bộ	08/09/2021	12/09/2021	18/10/2021
Đồng bằng sông Cửu Long	13/09/2021	17/09/2021	23/10/2021

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ tháng 08 - 10/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng và hình thái

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1 - 5)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	30 - 35	3,5 - 4,5	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt sọc mờ	40 - 45	3,5 - 4,5	1
MƯỚP HƯƠNG PN 661	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	1

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1 - 5)
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	40 - 50	4 - 5	2
MƯỚP HƯƠNG PN 900	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt, sọc mờ	30 - 35	3,5 - 4,5	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc nổi	26 - 30	4 - 6	2
MƯỚP RẪN PN 997	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	25 - 30	3 - 4	2
MƯỚP RẪN SUPER 999	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	30 - 35	3 - 4	2
KHỔ QUẢ TÂY PN 067	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	20 - 25	3,5 - 4,5	1
KHỔ QUẢ TÂY SUPER 777	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	25 - 30	3,5 - 4,5	1

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 3 – Tổng hợp mức độ nhiễm sâu bệnh hại chính

Giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)			Sâu hại (thang điểm 1 - 3)		
	Phấn trắng	Sương mai	Khảm virus	Sâu đục quả	Sâu vẽ bùa	Bọ trĩ
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	1	3	2	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	3	1	2	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 661	3	1	3	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	3	1	1	1	2	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	3	1	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	3	1	1	2	2	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	1	3	1	2	1	2
MƯỚP RẪN PN 997	3	1	3	1	2	1
MƯỚP RẪN SUPER 999	1	1	3	2	1	2
KHỔ QUẢ TÂY PN 067	1	3	1	2	2	1
KHỔ QUẢ TÂY SUPER 777	3	1	3	1	1	2

Bảng 4 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm)

Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 661	2	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	2	1	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	2	1	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	1	2	1
MƯỚP RẪN PN 997	2	1	2
MƯỚP RẪN SUPER 999	1	1	2
KHỔ QUUA TÂY PN 067	1	2	1
KHỔ QUUA TÂY SUPER 777	2	1	2

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm; 4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 – Năng suất tính theo cá thể (quả), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng quả (điểm)

Giống	Số quả/cây (quả)	Trọng lượng quả (g)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Độ đặc ruột (điểm 1 - 3)	Mùi thơm (điểm 1 - 4)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	18 - 20	200 - 250	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	16 - 18	250 - 300	28 - 32	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 661	21 - 23	180 - 220	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	20 - 22	200 - 220	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	16 - 18	250 - 300	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 900	18 - 19	200 - 250	28 - 31	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP KHÍA SUPER 700	20 - 21	220 - 250	30 - 34	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP RẪN PN 997	27 - 30	140 - 160	25 - 27	Không đặc ruột	Không thơm
MƯỚP RẪN SUPER 999	24 - 26	160 - 180	25 - 27	Không đặc ruột	Không thơm
KHỔ QUUA TÂY PN 067	20 - 23	140 - 160	21 - 22	Không đặc ruột	Không thơm

Giống	Số quả/cây (quả)	Trọng lượng quả (g)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Độ đặc ruột (điểm 1 - 3)	Mùi thơm (điểm 1 - 4)
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	27 - 30	150 - 170	26 -28	Không đặc ruột	Không thơm

12. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do Công ty đề ra theo TCCS 22:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện tại địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Tâm

CÔNG TY TNHH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẸP VỤ 3

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẪN PN 997
9	MƯỚP RẪN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Số giống khảo nghiệm: 11**3. Vụ:** Tháng 02 - 05/2022**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Gia cát, H.Cao lộc, T.Lạng Sơn	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Hợp Hòa, H.Tam Dương, T.Vĩnh Phúc	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Thuận, H. Nghĩa Đàn, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nam Phước, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đất phù sa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hội, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Bình, H. Tân Biên, T.Tây Ninh	Đất xám
7	Đồng bằng sông	Công ty tự khảo	X.Nhị Quý, H.Châu	Đất phù sa

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
	Cửu Long	nghiệm	Thành, T.Tiền Giang	

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m² (10 m x 1,8 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

7. Mật độ, khoảng cách: Trồng hàng đơn, cây cách cây 0,5 - 0,6m, hàng cách hàng 1,8 – 2 m, mật độ trồng khoảng 9.000 - 10.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300 - 500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 250 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	25/02/2022	01/03/2022	11/04/2022
Đồng bằng sông Hồng	10/02/2022	14/02/2022	27/03/2022
Bắc Trung Bộ	19/02/2022	23/02/2022	05/04/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	18/02/2022	22/02/2022	02/04/2022
Tây Nguyên	01/03/2022	05/03/2022	13/04/2022
Đông Nam Bộ	22/02/2022	26/02/2022	03/04/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	18/03/2022	22/03/2022	27/04/2022

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ tháng 02 - 05/2022, điều kiện thời tiết khí hậu thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng và hình thái

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1 - 5)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	30 - 35	3,5 - 4,5	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt sọc mờ	40 - 45	3,5 - 4,5	2
MƯỚP HƯƠNG PN 661	40 - 45	90 - 100	Xanh sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	25 - 30	3,5 - 4,5	1

Giống	Ngày gieo – thu quả đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Màu sắc vỏ quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Mức độ sinh trưởng (1 - 5)
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	40 - 45	90 - 100	Xanh, sọc đậm	40 - 50	4 - 5	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	40 - 45	90 - 100	Xanh nhạt, sọc mờ	30 - 35	3,5 - 4,5	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc nổi	26 - 30	4 - 6	1
MƯỚP RẪN PN 997	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	25 - 30	3 - 4	1
MƯỚP RẪN SUPER 999	40 - 45	95 - 110	Xanh đậm, sọc trắng	30 - 35	3 - 4	1
KHỔ QUA TÂY PN 067	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	20 - 25	3,5 - 4,5	2
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	40 - 45	95 - 110	Trắng xanh, sọc trắng mờ	25 - 30	3,5 - 4,5	2

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 3 – Tổng hợp mức độ nhiễm sâu bệnh hại chính

Giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)			Sâu hại (thang điểm 1 - 3)		
	Phấn trắng	Sương mai	Khảm virus	Sâu đục quả	Sâu vẽ bùa	Bọ trĩ
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	3	3	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	3	3	1	2	1	1
MƯỚP HƯƠNG PN 661	1	1	1	2	2	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	3	1	1	2	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	1	3	1	2	2
MƯỚP HƯƠNG PN 900	3	1	1	2	2	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	1	1	3	2	1	2
MƯỚP RẪN PN 997	3	1	1	1	2	2
MƯỚP RẪN SUPER 999	1	3	1	1	2	1
KHỔ QUA TÂY PN 067	1	3	3	2	2	1
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	3	1	1	2	1	2

Bảng 4 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm)

Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
-----------	----------	-----------	-----------

Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG PN 661	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	1	1	2
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	2	1
MƯỚP HƯƠNG PN 900	1	2	1
MƯỚP KHÍA SUPER 700	2	2	1
MƯỚP RẮN PN 997	2	2	1
MƯỚP RẮN SUPER 999	2	2	1
KHỔ QUA TÂY PN 067	1	1	2
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	1	1	2

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm; 4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 – Năng suất tính theo cá thể (quả), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng quả (điểm)

Giống	Số quả/cây (quả)	Trọng lượng quả (g)	Năng suất thực thu (tấn/ha)	Độ đặc ruột (điểm 1 - 3)	Mùi thơm (điểm 1 - 4)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	18 - 20	200 - 220	28 - 30	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	16 - 17	250 - 280	28 - 30	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 661	21 - 23	180 - 200	28 - 31	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	20 - 22	200 - 220	28 - 32	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	16 - 18	250 - 290	28 - 31	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP HƯƠNG PN 900	18 - 20	200 - 220	28 - 30	Rất đặc ruột	Thơm
MƯỚP KHÍA SUPER 700	21 - 22	220 - 250	31 - 35	Đặc ruột	Thơm
MƯỚP RẮN PN 997	27 - 30	140 - 160	25 - 28	Không đặc ruột	Không thơm
MƯỚP RẮN SUPER 999	24 - 26	160 - 180	25 - 28	Không đặc ruột	Không thơm
KHỔ QUA TÂY PN 067	20 - 23	140 - 160	20 - 21	Không đặc ruột	Không thơm
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	27 - 30	150 - 170	26 - 27	Không đặc ruột	Không thơm

11. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 22:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện tại địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương,

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG



GIÁM ĐỐC

Phan Thị Triều Tâm

**CÔNG TY TNHH
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 1

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẮN PN 997
9	MƯỚP RẮN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Số giống khảo nghiệm: 11

3. Vụ: Tháng 08 - 10/2021

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

5. Điểm khảo nghiệm:

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Gia cát, H.Cao lộc, T.Lạng Sơn	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Hợp Hòa, H.Tam Dương, T.Vĩnh Phúc	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Thuận, H. Nghĩa Đàn, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nam Phước, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đất phù sa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hội, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Bình, H. Tân Biên, T.Tây Ninh	Đất xám
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nhị Quý, H.Châu Thành, T.Tiền Giang	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 500 m² không lặp lại

7. Mật độ, khoảng cách: Trồng hàng đơn, cây cách cây 0,5 - 0,6m, hàng cách hàng 1,8 - 2m, mật độ trồng khoảng 9.000 - 10.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300 - 500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 250 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính ảnh hưởng đến khảo nghiệm:

Trong vụ tháng 08 - 10/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống, tuy có mưa tại một vài địa phương vào giai đoạn mới trồng nhưng không ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm.

Các giống khảo nghiệm nhiễm nhẹ các bệnh khảm virus, phấn trắng và sương mai, mức độ bị sâu đục quả, sâu vẽ bùa và bọ trĩ gây hại không đáng kể.

10. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	25/08/2021	29/08/2021	09/10/2021
Đồng bằng sông Hồng	10/08/2021	14/08/2021	24/09/2021
Bắc Trung Bộ	19/08/2021	23/08/2021	03/10/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	18/08/2021	22/08/2021	30/09/2021
Tây Nguyên	01/09/2021	05/09/2021	14/10/2021
Đông Nam Bộ	10/09/2021	14/09/2021	20/10/2021
Đồng bằng sông Cửu Long	14/09/2021	18/09/2021	24/10/2021

11. Kết quả diện rộng

Giống	Ngày từ gieo – thu đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Năng suất thực thu (tấn/ha)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	40 - 45	90 - 100	28 - 32
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	40 - 45	90 - 100	28 - 32
MƯỚP HƯƠNG PN 661	40 - 45	90 - 100	28 - 32

Giống	Ngày từ gieo – thu đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Năng suất thực thu (tấn/ha)
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	40 - 45	90 - 100	28 - 32
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	40 - 45	90 - 100	28 - 32
MƯỚP HƯƠNG PN 900	40 - 45	90 - 100	28 - 31
MƯỚP KHÍA SUPER 700	40 - 45	95 - 110	30 - 34
MƯỚP RẪN PN 997	40 - 45	95 - 110	25 - 27
MƯỚP RẪN SUPER 999	40 - 45	95 - 110	25 - 27
KHỔ QUA TÂY PN 067	40 - 45	95 - 110	20 - 21
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	40 - 45	95 - 110	26 - 28

12. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 22:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện tại địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị khảo nghiệm thêm vụ khác để đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của các giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triệu Tâm

CÔNG TY TNHH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 2

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẮN PN 997
9	MƯỚP RẮN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Số giống khảo nghiệm: 11

3. Vụ: Tháng 02 - 05/2022

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

5. Điểm khảo nghiệm:

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Gia cát, H.Cao lộc, T.Lạng Sơn	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Hợp Hòa, H.Tam Dương, T.Vĩnh Phúc	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Thuận, H. Nghĩa Đàn, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nam Phước, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đất phù sa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hội, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo	X.Tân Bình, H. Tân Biên,	Đất xám

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
		nghiệm	T.Tây Ninh	
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nhị Quý, H.Châu Thành, T.Tiền Giang	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 500 m² không lặp lại.

7. Mật độ, khoảng cách: Trồng hàng đơn, cây cách cây 0,5 - 0,6m, hàng cách hàng 1,8 - 2m, mật độ trồng khoảng 9.000 - 10.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300 - 500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 250 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính ảnh hưởng đến khảo nghiệm:

Trong vụ tháng 02 - 05/2022, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống, tuy có mưa rải rác trong suốt quá trình trồng nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng phát triển của giống khảo nghiệm.

Các giống khảo nghiệm nhiễm nhẹ các bệnh khảm virus, sương mai và phân trắng, mức độ bị sâu đục quả, sâu vẽ bùa và bọ trĩ gây hại không đáng kể.

10. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày Gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	25/02/2022	01/03/2022	11/04/2022
Đồng bằng sông Hồng	10/02/2022	14/02/2022	27/03/2022
Bắc Trung Bộ	19/02/2022	23/02/2022	05/04/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	18/02/2022	22/02/2022	02/04/2022
Tây Nguyên	01/03/2022	05/03/2022	13/04/2022
Đông Nam Bộ	22/02/2022	26/02/2022	03/04/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	22/03/2022	26/03/2022	01/05/2022

11. Kết quả diện rộng

Giống	Ngày từ gieo – thu đợt 1 (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Năng suất thực thu (tấn/ha)
MƯỚP HƯƠNG PN 500	40 - 45	90 - 100	28 - 31
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	40 - 45	90 - 100	28 - 31
MƯỚP HƯƠNG PN 661	40 - 45	90 - 100	28 - 30
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	40 - 45	90 - 100	28 - 32

**CÔNG TY TNHH
GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

I. Thông tin chung

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	MƯỚP HƯƠNG PN 500
2	MƯỚP HƯƠNG SUPER 600
3	MƯỚP HƯƠNG PN 661
4	MƯỚP HƯƠNG SUPER 664
5	MƯỚP HƯƠNG SUPER 663
6	MƯỚP HƯƠNG PN 900
7	MƯỚP KHÍA SUPER 700
8	MƯỚP RẪN PN 997
9	MƯỚP RẪN SUPER 999
10	KHỔ QUA TÂY PN 067
11	KHỔ QUA TÂY SUPER 777

2. Địa điểm khảo nghiệm: Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

3. Vụ: Tháng 08 - 10/2021

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng TCCS 22:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

- Bố trí thí nghiệm: Khảo nghiệm được tiến hành trong nhà lưới có mái che, bố trí theo kiểu tuần tự, nhắc lại 3 lần, mỗi lần nhắc 5 chậu có kích thước 35 x 25cm, thành cao 15 - 20cm.

Mỗi chậu trồng 5 cây, hỗn hợp đất trồng gồm 30% phân chuồng hoai mục, 10% trấu hun, 60% đất thịt nhẹ. Trồng và chăm sóc bình thường, khi cây ở giai đoạn 15 - 20 ngày sau gieo thì tiến hành quá trình ngắt tưới và để hạn trong 3 ngày, sau đó theo dõi và mô tả thiệt hại của cây.

Tiến hành quan sát và đánh giá mức độ héo của cây, thời gian đánh giá 1 lần/ngày, vào 13 - 15h00 trong ngày; quan sát các thời gian khác bổ sung.

5. Ngày gieo: 16/08/2021 **Ngày mọc:** 20/08/2021 **Ngày đánh giá:** 31/8 - 05/09/2021

II. Kết quả khảo nghiệm:**Kết quả của khảo nghiệm tính chống chịu hạn**

Giống	Công thức xử lý hạn (Điểm đánh giá: 1,3,5,7,9)		
	1 ngày	2 ngày	3 ngày
MƯỚP HƯƠNG PN 500	1	3	3
MƯỚP HƯƠNG SUPER 600	1	3	3
MƯỚP HƯƠNG PN 661	1	3	5
MƯỚP HƯƠNG SUPER 664	1	3	3
MƯỚP HƯƠNG SUPER 663	1	3	5
MƯỚP HƯƠNG PN 900	1	3	3
MƯỚP KHÓA SUPER 700	1	3	5
MƯỚP RẮN PN 997	1	5	7
MƯỚP RẮN SUPER 999	1	5	7
KHỔ QUA TÂY PN 067	1	5	7
KHỔ QUA TÂY SUPER 777	1	5	7

III. Kết luận

Các giống tham gia khảo nghiệm có khả năng phát triển khá tốt trong điều kiện hạn của thí nghiệm có kiểm soát 1 ngày không tưới, ở giai đoạn 2 ngày không tưới các giống Mướp Hương Pn 500, Mướp Hương Super 600, mướp hương PN 661, mướp hương Super 664, mướp hương Super 663, mướp hương PN 900, mướp khóa Super 700 bị hại nhẹ, rồi sau đó phục hồi nhanh, trong khi mướp rắn PN 997, mướp rắn Super 999 và Khổ Qua Tây PN 067, Khổ Qua Tây Super 777 đều biểu hiện cây có lá bị quăn lại, rễ bị tổn thương và phục hồi chậm. Tuy nhiên, các giống đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 22:2021/PNS.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG



Phan Thị Triệu Tâm